TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Ông Ngô Xuân Dệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 673/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc: "***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1984

Địa chỉ: 16 HT, thôn 4, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1972

Địa chỉ: 16 HT, thôn 4, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 19 tháng 11 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Nhật T sau thời gian quen biết, yêu thương nhau, tự nguyện đi

đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 23 tháng 01 năm 2007. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 05 năm và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 01 năm 2012. Chị và anh T thường xuyên xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, nuôi dạy con cái cũng như quan hệ hai bên gia đình nên đã ly thân từ đó đến nay. Khi phát hiện mâu thuẫn kéo dài, gia đình hai bên đã khuyên can, động viên, hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Bản thân chị tự nhận thấy cuộc sống gia đình hết sức ngột ngạt, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Nhật T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Nhật T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010. Cháu Nguyễn Nhật T1 có nguyện vọng chung sống với chị nên ly hôn chị yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh Nguyễn Nhật T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Nhật T1.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Nguyễn Nhật T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Nhật T vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2021, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, ý kiến của anh Nguyễn Nhật T như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 23 tháng 01 năm 2007. Anh chị đã chung sống cùng nhau hơn 15 năm và có với nhau một con chung. Trong thời gian chung sống đôi khi vợ chồng cũng có những mâu thuẫn cãi nhau. Anh hay nhậu và uống rượu trong thời gian rãnh rỗi nên cũng không quan tâm sâu sát đến vợ cùng gia đình. Mặt khác do chị A tính tình nóng nảy. Vì vậy những mâu thuẫn đã xảy ra dẫn đến việc chị A tự viết đơn ly hôn. Riêng bản thân anh không muốn ly hôn vì anh nghĩ mỗi bên tự khắc phục được cái lỗi của mình thì gia đình sẽ đoàn tụ trở lại. Thời gian vừa qua anh đã bỏ uống rượu và nhậu nhẹt. Bên cạnh đó, con của anh chị là cháu Nguyễn Nhật T1 còn nhỏ nên nguyện vọng của anh là muốn hàn gắn trở lại để cùng nhau khắc phục những lỗi lầm của từ hai phía để xây dựng gia đình tốt hơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Nhật T, việc chấp hành quy định pháp luật tố tụng chưa được bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng A

Chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn anh Nguyễn Nhật T

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu án phí về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Nhật T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 23 tháng 01 năm 2007. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, chị Nguyễn Thị Hồng A yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Nhật T đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Nguyễn Nhật T cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pu theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng A thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Việc chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Nhật T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương theo biên bản xác minh ngày 25 tháng 01 năm 2022 nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh T.

Tuy nhiên, trong nội dung tự khai, cả chị A và anh T đều thống nhất trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh bất đồng, những mâu thuẫn đó đã diễn ra trong thời gian dài nhưng không được giải quyết. Khi đề cập đến nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị A và anh T có cách nhìn nhận khác nhau về nguyên nhân, có sự đánh giá khác nhau về mức độ ảnh hưởng của những bất hòa đó đến tình cảm vợ chồng cũng như quan điểm xây dựng gia đình hạnh phúc của cả hai anh chị dẫn đến chị A quyết định ly hôn nhưng anh T không đồng thuận.

Hôn nhân được xây dựng trên nền tảng tình cảm yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình giữa vợ và chồng vì vậy khi hôn nhân chỉ tồn tại những tranh cãi, yêu thương thay thế bằng sự chấp nhận, lối sống cá nhân thay thế cho mọi sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau giữa vợ và chồng đã trực tiếp đánh mất mục đích ban đầu khi anh chị xây dựng gia đình. Do đó Hội đồng xét xử nhận định không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Nhật T.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Nhật T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng A, xử cho chị A được ly hôn với anh Nguyễn Nhật T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Nhật T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Cháu Nguyễn Nhật T1 có nguyện vọng chung sống với chị Nguyễn Thị Hồng A; chị A cũng có yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc giao cháu Nguyễn Nhật T1 cho chị Nguyễn Thị Hồng A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 92 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng A về con chung.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con cùng với vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 89, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng A

Chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Nhật T.

2. Về con chung:

Giao 01 (môt) con chung là Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0001050 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Nguyễn Thị Hồng A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng A được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Nguyễn Nhật T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/01/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**